

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-PT

Ngày 23-02-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Anh

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Trần Thị Lệ Uyên;

2. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2021/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1686/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ôn Cẩm L, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Căn hộ A Chung cư B, số C, đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Lê T và Luật sư Vũ Anh T, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Hữu H, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Số H, đường I, Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Bùi Minh N, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2020 và lời khai của nguyên đơn – bà Ôn Cẩm L thì:

Bà và ông Phạm Hữu H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2019 ngày 14/02/2019. Sau khi lập gia đình, ông bà sống chung với cha mẹ ông H. Đến đầu tháng 10/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, chồng không cho bế con ra ngoài, không được đưa con về nhà ngoại chơi, từ đó mâu thuẫn với chồng và cả cha mẹ chồng. Tháng 10/2020, Bà và ông H ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng nhưng cha mẹ chồng cũng không cho đem con theo, ông H cũng nghe lời cha mẹ cũng không cho đem con theo chăm sóc. Hàng ngày, sau khi đi làm về bà phải chờ ông H về thì mới được vào nhà cha mẹ chồng để thăm con. Mâu thuẫn về việc chăm sóc con ngày càng trầm trọng và đã xảy ra xô xát với cha mẹ chồng. Do mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên ông bà đã ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đã xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Ái P, giới tính Nữ, sinh ngày 14/12/2019. Do có mâu thuẫn và do cha mẹ chồng không cho bà đưa con ra khỏi nhà nên người con chung hiện nay do ông H và cha mẹ chồng đang chăm sóc, bà chỉ được thăm con vào các buổi chiều, một số ngày trong tuần và chỉ được thăm con khoảng 40 phút. Con bà hiện còn rất nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, bà yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Theo lời khai của bị đơn - ông Phạm Hữu H thì: Ông thống nhất với trình bày của bà L về thời gian kết hôn và con chung. Theo ông, đến ngày 26/12/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ngày 3/10/2020 bà L xin đi chơi nhưng không được vì phải chăm con nên đã xảy ra điều tiếng với bố chồng và bà L bỏ đi ra ngoài sinh sống. Sau đó, ngày 26/12/2020, cha mẹ bà L có đến gặp cha mẹ ông để nói chuyện và hai bên đã xảy ra xô xát, công an phường yêu cầu bà L đưa con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng. Ông xác định cha mẹ ông không hề ngăn cản việc chăm nom con của bà L. Do mâu thuẫn nên ông bà đã ly thân từ ngày 26/12/2020 cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn, ông mong muốn bà L trở về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Ái P, sinh ngày 14/12/2019 và yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1686/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định:

“1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ôn Cẩm L được ly hôn ông Phạm Hữu H.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Ái P, sinh ngày 14/12/2019.

Giao con chung tên Phạm Ái P, sinh ngày 14/12/2019 cho bà Ôn Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu đồng).

Thực hiện vào ngày 15 tây của mỗi tháng bắt đầu từ tháng 7/2021 cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi,

Kể từ khi bà Ôn Cẩm L có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Phạm Hữu H chưa thi hành, thì hàng tháng ông Phạm Hữu H còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.”

Ngoài ra, Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền yêu cầu thi hành án và kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/7/2021, ông Phạm Hữu H kháng cáo đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1686/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Ngày 05/01/2022, ông Phạm Hữu H có Bản tự khai xác định thay đổi nội dung kháng cáo theo hướng hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1686/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – ông Phạm Hữu H trình bày:

Tôi thay đổi nội dung kháng cáo theo hướng yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 1686/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã không đưa ông Phạm Hữu C, bà Đỗ Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do mâu thuẫn chủ yếu là giữa bà L và bố mẹ chồng; Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã vi phạm Khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ trước khi xác minh tình trạng hôn nhân ở địa phương; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không lưu hồ sơ Biên bản hòa giải ngày 16/01/2020 do Ủy ban nhân dân phường M lập.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - ông Bùi Minh N trình bày:

Bản án dân sự sơ thẩm số 1686/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức có nhiều vi phạm tố tụng: Tại phần nhận định dòng 22, trang 4 từ trên xuống đã nêu không đưa ông C, bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong khi bà L khai có mâu thuẫn với chồng, gia đình chồng trong cuộc sống, chăm sóc con; bà O cũng khai có mâu thuẫn giữa bà L và gia đình chồng; bản thân ông H không có mâu thuẫn gì với bà L; ông H chưa bao giờ to tiếng, đánh đập vợ, ông H và bà L còn đi mua nhà chung, thường xuyên chở vợ con đi chơi. Theo tôi, mâu thuẫn chủ yếu là giữa bà L và cha mẹ chồng, bên cạnh đó, cháu P đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, nên Tòa án cần xác định nguyên nhân mâu thuẫn, để tiến hành hòa giải đoàn tụ. Trong thư triệu tập tại Tòa án cấp sơ thẩm lúc thì ghi ông C, bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lúc thì ghi là người làm chứng. Theo tôi, ông C và bà T không thể là người làm chứng trong vụ án này. Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã vi phạm Khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 khi không đưa ông C, bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, Tòa án nhân dân Thủ Đức đã vi phạm Khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 khi tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đều diễn ra trước khi phòng lao động thương binh – xã hội phúc đáp công văn. Trong Biên bản hòa giải ngày 26/11/2021 thì bà L khai tình cảm không có gì mâu thuẫn, chỉ có mâu thuẫn trong việc chăm sóc con, nuôi con. Ông H luôn khai không có mâu thuẫn gì, do đó, nhận định của Tòa án chỉ có từ một phía của bà L. Từ ngày kết hôn đến khi khởi kiện, giữa ông H và bà L không có mâu thuẫn, không có ly thân trong thời gian dài. Văn bản phúc đáp của phòng lao động Thương binh xã hội đối với công văn xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức rất chung chung, dựa vào công văn trả lời của UBND phường M nhưng Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định không còn tình cảm là không đúng, mâu thuẫn với lời khai của bà L là không có mâu thuẫn tại Biên bản

hòa giải ngày 16/01/2021 mà ông H đã nộp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào hồ sơ. Từ ngày kết hôn, ông bà sống chung với ông C, bà T, được sự chăm sóc, giúp đỡ của cha mẹ chồng. Bà L có công việc hiện tại cũng là do bà T sắp xếp. Tôi cho rằng Tòa án Thủ Đức phiên diện, chưa toàn diện, không khách quan, do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển vụ án lại cho Tòa án nhân dân quận Thủ Đức giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn – bà Ôn Cẩm L trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1686/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức với nội dung: Cho Bà được ly hôn với ông H và giao trẻ P cho Bà trực tiếp nuôi, ông H phải cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Vũ Anh T trình bày:

Kể từ khi phiên tòa sơ thẩm xét xử đến nay, bà L không được thăm con. Việc này thể hiện tính ích kỷ và cái tôi của người đàn ông, con cái là mối dây thiêng liêng giữa vợ chồng. Lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm của ông H rất mâu thuẫn: Nếu ông thay đổi địa chỉ thì ông phải cung cấp địa chỉ mới cho bà L để thăm con nhưng gia đình ông không cung cấp. Trẻ em cần được bảo vệ, được cha mẹ chăm sóc. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho bà L được quyền nuôi con, trong trường hợp cha/mẹ được nuôi con thì phải tạo điều kiện tốt nhất cho bên còn lại chăm sóc con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Huỳnh Lê T trình bày:

Việc tách trẻ em dưới 36 tháng tuổi ra khỏi mẹ ruột có thể ảnh hưởng tới tâm sinh lý của trẻ P, vì 03 năm đầu đời có thể hình thành tính cách tâm lý, việc tách bé ra khỏi mẹ đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ. Bà L đã có ghi âm, ghi hình chứng minh ông H và gia đình ông đã ngăn cản bà L thăm bé P. Ông H không có động thái nào, cũng không chủ động đưa con đến gặp bà L. Trong tình trạng hiện tại, ông H trình bày bận 24/24, nên kiến nghị giao bé P cho bà L chăm sóc ngay sau phiên tòa, còn việc ông H kháng cáo hủy/ sửa án sơ thẩm thì tính sau. Bà L cũng đã trình bày bên gia đình chồng có hành vi bạo lực gia đình, nhưng theo tôi nhìn nhận, thì nguyên nhân là do ông H và gia đình ông H ngăn cản quyền làm mẹ của bà L, không cho bà L đem con về ngoại. Ông H đã nhiều lần có hành vi bạo lực với bà L, cụ thể như nắm đầu bà L lôi từ trên lầu xuống..., không chia sẻ với bà L mà khi bà L bị gia đình chồng mắng thì ông H còn trách bà L. Bà L có thu nhập ổn định, có chỗ ở, có điều kiện kinh tế và để đảm bảo quyền lợi của trẻ P, tôi đề nghị giao ngay bé P cho bà L ngay sau phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, ông H yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Do kháng cáo của bị đơn vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên không xem xét, chỉ xem xét kháng cáo ban đầu của bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn từ gia đình, hiện tại ông bà không còn sống chung với nhau. Bà L trình bày không còn tình cảm với ông H. Ông H trình bày còn tình cảm với bà L nhưng không trình bày được biện pháp hàn gắn, nên Tòa án sơ thẩm cho ly hôn là có cơ sở.

Về con chung: Bà L là giáo viên, đủ điều kiện chăm sóc. Trẻ là bé gái, dưới 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ là có căn cứ.

Về cấp dưỡng: Ông H đồng ý nên Tòa sơ thẩm ghi nhận có căn cứ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn – ông Phạm Hữu H còn trong thời hạn luật định.

Ngày 05/01/2022, ông Phạm Hữu H có Đơn yêu cầu phản tố đề nghị chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng: Căn cứ Khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đã quá thời hạn đưa ra yêu cầu phản tố và đảm bảo hai cấp xét xử nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Phạm Hữu H về việc đề nghị hủy Bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là vượt quá phạm vi yêu cầu kháng cáo ban đầu nên căn cứ Khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Phạm Hữu H về việc đề nghị được đoàn tụ và được nuôi con chung:

Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa, bà L kiên quyết xin ly hôn do không còn tình cảm với ông H, bản thân ông H không đồng ý

ly hôn nhưng cũng không đưa ra giải pháp cụ thể để vợ chồng đoàn tụ. Đồng thời, tại phiên tòa, ông H cũng không đồng ý để Hội đồng xét xử hòa giải đoàn tụ nên có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được như bản án sơ thẩm đã nhận định.

Về con chung: Xét cả ông H và bà L đều có đủ điều kiện về sức khỏe, tài chính để nuôi con chung tốt ngang nhau, tuy nhiên, do trẻ P dưới 36 tháng tuổi, cần giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, giao trẻ P cho mẹ là bà L trực tiếp nuôi là có cơ sở.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hữu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo – ông Phạm Hữu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 273, Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1686/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, cụ thể:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Ôn Cẩm L :

Về hôn nhân: Bà Ôn Cẩm L được ly hôn ông Phạm Hữu H.

Về con chung: Giao trẻ Phạm Ái P, giới tính: Nữ, sinh ngày 14/12/2019 cho bà Ôn Cẩm L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phạm Hữu H cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Ái P mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, các bên tự giao nhận vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Kể từ ngày bà Ôn Cẩm L có đơn yêu cầu thi hành án tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Phạm Hữu H chưa hoặc không thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Phạm Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Phạm Ái P, không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ôn Cẩm L là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0058550 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Hữu H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông H chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Hữu H phải chịu án phí là 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0024167 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.



Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (HA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Anh**